

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2021

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca

2. Bà Phan Thị Thiện

*- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Minh – Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Lương Đình Q, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Bùi Thị D trình bày:

Tôi và ông Lương Đình Q có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương vào ngày 04/01/1996, nhưng do không am hiểu pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Sau này đến ngày 05/9/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi có quá trình chung sống một thời gian dài hạnh phúc (24 năm) cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã lẫn nhau mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, tôi đã bỏ nhà đi khỏi địa phương kiếm việc làm ăn và sống ly thân với ông Q cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn bản thân không thể tiếp tục chung sống với ông Q nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lương Đình Q.

Về con chung: Tôi và ông Lương Đình Q có 03 con chung là cháu Lương Đình B, sinh năm 1992, cháu Lương Thị Thùy D, sinh năm 1997 và cháu Lương Đình S, sinh năm 1999. Các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa ông Lương Đình Q trình bày như sau:

Tôi và bà Bùi Thị D chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn như bà Bùi Thị D trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và cãi nhau lời qua tiếng lại thường xuyên, năm 2019 bà D bỏ đi khỏi nhà và sống ly thân với tôi cho đến nay, tôi không biết bà D đi đâu làm gì. Vì tôi và bà D không liên lạc với nhau. Nay bà D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý, vì giữa tôi và bà D có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, nhưng nợ nần vẫn còn và nếu muốn ly hôn phải đợi các con lập gia đình xong thì tôi mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và bà Bùi Thị D có 03 con chung là cháu Lương Đình B, sinh năm 1992, cháu Lương Thị Thùy D, sinh năm 1997 và cháu Lương Đình S, sinh năm 1999. Các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bà Bùi Thị D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật là đúng nên không có ý kiến kiến nghị.

- Về nội dung:

Căn cứ các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị D được ly hôn với ông Lương Đình Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cư Kuin nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã làm đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

Bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 05/9/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian dài, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà D là do vợ chồng sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do đó bà Bùi Thị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn. Phía bị đơn ông Lương Đình Q thừa nhận ông bà có mâu thuẫn với nhau nên bà D đã bỏ đi khỏi nhà năm 2019, giữa ông bà không còn liên lạc từ đó cho đến nay nhưng vì các con chung chưa lập gia đình và đang còn nợ nần nên phải đợi đến khi trả hết nợ và các con lập gia đình xong ông mới đồng ý ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q có mâu thuẫn vợ chồng nên bà D đã bỏ nhà đi từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không biết và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q không còn, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị D.

Về con chung: Bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q có 03 con chung là cháu Lương Đình B, sinh năm 1992, cháu Lương Thị Thùy D, sinh năm 1997 và cháu Lương Đình S, sinh năm 1999. Các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường do đó các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị D được ly hôn với ông Lương Đình Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị D và ông Lương Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền số: 60AA/2021/0001768 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Er
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI